TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 220/2026/ KDTM-PT
Ngày 05 tháng 6 năm 2026
V/v: "Tranh chấp hợp đồng giao thầu phụ".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Bích Thảo,

Các Thẩm phán: Bà Mai Thị Thanh Tú;

Bà Trương Thị Quỳnh Trâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hồng – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Bà Lê Kim Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 05/6/2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 130/2026/TLPT-KDTM ngày 07/4/2026 về việc: "Tranh chấp hợp đồng giao thầu phụ".

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 206/2026/KDTM-ST ngày 29/01/2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 5, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2559/2026/QĐ-PT ngày 21 tháng 4 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số 7449/2026/QĐ-PT ngày 21/5/2026 giữa:

- Nguyên đơn: Công ty Cổ phần Đầu tư - Thương mại - Kỹ thuật và Xây dựng V.

Trụ sở: 203 L, phường H, Thành phố Đ.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Phan Thanh P

Địa chỉ: Căn hộ 301 B1 Chung cư H, Đường số 23, phường H, Thành phố H. (Có mặt).

(Văn bản ủy quyền quyền ngày 16/12/2024 của nguyên đơn).

- Bị đơn: Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại T.

Trụ sở: 28 H, phường Đ, Thành phố H.

Địa chỉ liên hệ: 14 L, phường G, Thành phố H.

Đại diện theo pháp luật của công ty: Ông Phạm Lâm Anh H- (Có mặt)

Ủy quyền hợp pháp cho ông Phạm Quang B, sinh năm 1950 (Có mặt).

Địa chỉ: 820 N, phường C, Thành phố H.

Địa chỉ liên hệ: 207/22 T, phường C, Thành phố H.

* Người kháng cáo: Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại T – là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tóm tắt nội dung vụ án và quyết định của Bản án sơ thẩm như sau:

** Theo Đơn khởi kiện ngày 16/12/2024 cùng các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ đại diện Nguyên đơn trình bày:*

Ngày 01/9/2019, Công ty Cổ phần Đầu tư - Thương mại - Kỹ thuật và Xây dựng T (*sau đổi tên thành Công ty Cổ phần Đầu tư - Thương mại - Kỹ thuật và Xây dựng V - gọi tắt là Công ty V*) và Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại T (*gọi tắt Công ty T*) có ký kết Hợp đồng giao thầu phụ số 29.09/HĐGV-19/KHTC về việc thi công "*Xây dựng nhà xưởng J4-01 và phần xây dựng các khu phụ trợ - Lô J4 (GĐ1) thuộc công trình nhà xưởng công nghệ cao Long Hậu - Đà Nẵng Lô J4 (GĐ1) tại Khu công nghệ cao Đà Nẵng*".

Giá trị hợp đồng trọn gói là 12.363.000.000 (*mười hai tỷ ba trăm sáu mươi ba triệu*) đồng, đã bao gồm thuế GTGT 10%.

Thực hiện đúng Hợp đồng đã ký kết, Công ty V đã hoàn tất thi công và bàn giao công trình cho Công ty T đưa vào sử dụng. Căn cứ hồ sơ quyết toán giữa hai bên, hóa đơn giá trị gia tăng cho thấy tổng giá trị sau khi quyết toán của Hợp đồng là 12.245.696.000 *(mười hai tỷ hai trăm bốn mươi lăm triệu sáu trăm chín mươi sáu ngàn)* đồng.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty T đã thanh toán cho Công ty V số tiền 9.836.976.656 (*chín tỷ tám trăm ba mươi sáu triệu chín trăm bảy mươi sáu ngàn sáu trăm năm mươi sáu*) đồng, còn nợ lại số tiền 2.408.719.344 *(hai tỷ bốn trăm lẻ tám triệu bảy trăm mười chín ngàn ba trăm bốn mươi bốn)* đồng.

Ngày 31/12/2022, Công ty T đã ký vào thư xác nhận phải thu khách hàng và ngày 31/01/2023, Công ty T tiếp tục ký biên bản xác nhận công nợ, theo đó Công ty T xác nhận còn nợ Công ty V tính đến ngày 31/01/2023 là 2.408.719.344 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Nguyên đơn yêu cầu Công ty T có trách nhiệm thanh toán cho Công ty V số tiền còn nợ tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 29/01/2026) phát sinh từ hợp đồng giao thầu phụ số 29.09/HĐGV-19/KHTC ngày 01/9/2019 là 3.166.773.018 (*ba tỷ một trăm sáu mươi sáu triệu bảy trăm*

bảy mươi ba ngàn không trăm mười tám) đồng. Trong đó: nợ gốc là 2.408.719.344 đồng; nợ lãi là 758.053.674 đồng.

Cách tính lãi nguyên đơn áp dụng tính từ ngày 31/01/2023 đến ngày 29/01/2026 (theo mức lãi suất 10,5%/năm).

Lãi tiếp tục được tính từ ngày 30/01/2026 cho đến khi trả hết nợ gốc theo mức lãi suất 10,5%/năm.

Về thời hạn thanh toán: Yêu cầu thanh toán một lần ngay sau khi có bản án có hiệu lực của Tòa án.

+ Nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về phần phạt hợp đồng với số tiền 192.697.548 (*một trăm chín mươi hai triệu sáu trăm chín mươi bảy ngàn năm trăm bốn mươi tám*) đồng.

* *Đại diện theo ủy quyền của Bị đơn Công ty T trình bày*:

Công ty T và Công ty V có ký hợp đồng giao thầu phụ số 29.09/HĐGV-19/KHTC ngày 01/9/2019.

Theo thư xác nhận ngày 31/12/2022 và biên bản đối chiếu công nợ ngày 31/01/2023 thì Công ty T còn nợ Công ty V số tiền 2.408.719.344 đồng.

Theo hợp đồng, sau khi quyết toán, Công ty V phải bảo hành công trình trong vòng 01 năm.

Trong thời gian bảo hành, do có sự cố phải sửa chữa cho Nhà máy H- Đ (là nhà xưởng J4-01), Công ty T đã yêu cầu Công ty V sửa chữa nhưng không được đáp ứng. Do vậy, ngày 22/02/2022 Công ty T phải ký Hợp đồng với Công ty TNHH Một thành viên Xây dựng E thi công sửa chữa công trình trên (có biên bản nghiệm thu và thanh lý hợp đồng, có hóa đơn GTGT) với số tiền là 499.824.000 (*bốn trăm chín mươi chín triệu tám trăm hai mươi bốn ngàn*) đồng.

Vì thế, Công ty T chỉ còn nợ Công ty V số tiền nợ gốc là 1.908.895.344 (*một tỷ chín trăm lẻ tám triệu tám trăm chín mươi lăm ngàn ba trăm bốn mươi bốn*) đồng. Số tiền nợ gốc này Công ty T đề nghị trả dần mỗi tháng 100.000.000 (*một trăm triệu*) đồng ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi trả hết nợ. Trường hợp vi phạm bất cứ đợt thanh toán nào thị bị đơn đồng ý trả tiền lãi cho nguyên đơn từ trước đến nay theo mức lãi suất theo quy định của Bộ luật dân sự 10%/năm.

Về tiền phạt hợp đồng: Tại phiên tòa nguyên đơn đã rút yêu cầu này nên bị đơn không có ý kiến.

Bản án kinh doanh thương mại số số 206/2026/KDTM-ST ngày 29/01/2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 5, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 266 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2025;

- Căn cứ vào các Điều 50, 306 của Luật Thương mại;

- Căn cứ vào Luật phí và lệ phí năm 2015;

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

- Căn cứ vào Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần Đầu tư - Thương mại - Kỹ thuật và Xây dựng V.

1.1. Buộc bị đơn Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại T phải trả cho Công ty Cổ phần Đầu tư - Thương mại - Kỹ thuật và Xây dựng V số tiền tạm tính đến ngày 29/01/2026 là 3.166.773.018 (*ba tỷ một trăm sáu mươi sáu triệu bảy trăm bảy mươi ba ngàn không trăm mười tám*) đồng. Trong đó:

+ Nợ gốc: 2.408.719.344 đồng;

+ Nợ lãi: 758.053.674 đồng.

Thời hạn thanh toán: Thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

1.2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần Đầu tư - Thương mại - Kỹ thuật và Xây dựng V về việc yêu cầu bị đơn Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại T phải trả số tiền phạt hợp đồng là 192.697.548 (*một trăm chín mươi hai triệu sáu trăm chín mươi bảy ngàn năm trăm bốn mươi tám*) đồng.

2. Về án phí:

- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại T phải chịu toàn bộ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 95.335.460 (*chín mươi lăm triệu ba trăm ba mươi lăm ngàn bốn trăm sáu mươi*) đồng.

- Công ty Cổ phần Đầu tư - Thương mại - Kỹ thuật và Xây dựng V được nhận lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 46.754.000 (*bốn mươi sáu triệu bảy trăm năm mươi bốn ngàn*) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0055198 ngày 02/01/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Phú Nhuận, TP HCM (nay là Thi hành án dân sự TP HCM).

3. Việc thi hành án được thực hiện tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại T còn phải chịu khoản

tiền lãi trên số nợ gốc còn phải thi hành theo mức lãi suất nợ quá hạn 10,5%/năm tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

* Ngày 11/02/2026, Công ty T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa đại diện bị đơn trình bày:

Công ty T đã đưa ra các chứng cứ chứng minh Công ty V khi thi công có sai sót nên để sự cố xảy ra tại Nhà máy H (Nhà xưởng J4-01). Công ty T yêu cầu Công ty V phải sửa chữa theo quy định trong hợp đồng là phải bảo hành công trình trong vòng 01 năm, nhưng Công V không thực hiện, buộc T phải ký hợp đồng với Công ty TNHH MTV Xây dựng E thi công sửa chữa công trình trên với số tiền chi phí là: 499.824.000 đồng và Công ty T yêu cầu cấn trừ số tiền trên. Như vậy thực tế T chỉ còn nợ nguyên đơn là: 1.908.895.344 đồng.

Việc yêu cầu tính lãi phạt chậm trả của Công ty V cũng không đúng với số tiền mà T còn nợ thực tế, áp dụng lãi suất 10.5% là không phù hợp với thoả thuận trong hợp đồng và trái quy định pháp luật.

Với những nhận định đánh giá chứng cứ không đúng với bản chất nội dung của vụ việc và áp dụng không phù hợp với những quy định pháp luật hiện hành, làm ảnh hưởng tới quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty T nên đề nghị Hội đồng xét xử sửa một phần án sơ thẩm chấp nhận cho cấn trừ số tiền đã trả tiền sửa trong thời gian bảo hành 499.824.000 đồng, bị đơn còn nợ 1.900.000.000 đồng (làm tròn) và lãi phát sinh là 500.000.000 đồng.

* Đại diện Công ty V trình bày: không chấp nhận kháng cáo của bị đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Qua kiểm sát vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử thấy Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định về thẩm quyền giải quyết vụ án, Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử và gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng thời hạn, cấp và tống đạt các văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng và Viện kiểm sát theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa tiến hành đúng trình tự pháp luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý cũng như tại phiên tòa nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Công ty T. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ

nguyên Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 206/2026/KDTM-ST ngày 29/01/2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng, quan điểm của Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1] Căn cứ vào Đơn khởi kiện ngày 16/12/2024 của Công ty V cấp sơ thẩm xác định việc khởi kiện của nguyên đơn là tranh chấp "Hợp đồng giao thầu phụ" là phù hợp với các thỏa thuận của các bên trong hợp đồng.

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần mã số doanh nghiệp 0309930716 đăng ký lần đầu ngày 13/4/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 08/02/2023 thì Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại T có địa chỉ trụ sở chính tại 28 H, Phường 9, quận P (nay là phường Đ), Thành phố H nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 5, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 30, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự là đúng quy định.

Quá trình ký kết Hợp đồng giao thầu phụ số 29.09/HĐGV-19/KHTC ngày 01/9/2019 và việc thay đổi tên của Công ty V:

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần mã số doanh nghiệp 0401946203 đăng ký lần đầu ngày 02/01/2019 tên công ty là Công ty Cổ phần Đầu tư- Thương mại- Kỹ Thuật- Xây dựng T.

Đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 11/5/2021 Công ty Cổ phần Đầu tư- Thương mại- Kỹ Thuật và Xây dựng T đổi tên thành Công ty Cổ phần Đầu tư- Thương mại- Kỹ Thuật và Xây dựng V.

[1.2] Bị đơn là Công ty T kháng cáo toàn bộ Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm và đã thực hiện nộp tạm ứng án phí phúc thẩm đúng theo quy định tại Điều 276 Bộ luật Tố tụng dân sự nên thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa Kinh tế Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh căn cứ theo điểm b khoản 3 Điều 38 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung kháng cáo của Công ty T:

[2.1] Xét kháng cáo của Công ty T yêu cầu cho cấn trừ số tiền 499.824.000 đồng do Công ty V không sửa chữa bảo hành công trình trong vòng 01 năm:

Các bên đương sự Công ty T và Công ty V xác nhận có ký hợp đồng giao thầu phụ số 29.09/HĐGV-19/KHTC ngày 01/9/2019. Công ty V đã thực hiện theo hợp đồng và được hai bên ký Bảng xác nhận giá trị thực hiện thành tiền của Hợp đồng là 12.245.695.000 đồng.

Theo thư xác nhận phải thu khách hàng ngày 31/12/2022 và biên bản xác nhận công nợ ngày 31/01/2023 thì Công ty T còn nợ Công ty V số tiền 2.408.719.344 *(hai tỷ bốn trăm lẻ tám triệu bảy trăm mười chín ngàn ba trăm bốn mươi bốn)* đồng.

Công ty T cho rằng Công ty V khi thi công có sai sót nên để sự cố xảy ra tại Nhà máy H(Nhà xưởng J4-01). Công ty T yêu cầu Công ty V phải sửa chữa theo quy định trong hợp đồng là phải bảo hành công trình trong vòng 01 năm, nhưng Công ty V không thực hiện, buộc T phải ký hợp đồng với Công ty TNHH MTV Xây dựng EES thi công sửa chữa công trình trên với số tiền chi phí là: 499.824.000 đồng và được cấn trừ số tiền trên. Như vậy thực tế T chỉ còn nợ nguyên đơn là: 1.908.895.344 đồng.

Theo hồ sơ sơ thẩm Công ty T có nộp hợp đồng thi công số EES-T-01-220222 ngày 22/02/2022 và Biên bản nghiệm thu thanh lý hợp đồng ngày 19/4/2022 với Công ty TNHH MTV Xây dựng EES. Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện bị đơn xác nhận chỉ gọi điện thoại nguyên đơn thực hiện bảo hành trong thời gian 02 ngày. Do vị trí địa lý quá xa và không thể thực hiện ngay nên Bị đơn thuê đơn vị thứ ba thực hiện và xác nhận không có tài liệu nào chứng minh trong thời gian bảo hành Công ty T có yêu cầu Công ty V thực hiện bảo hành đối với những hạn mục thi công cần sửa chữa mà Công ty V không thực hiện hay thực hiện không đạt chất lượng phải thuê đơn vị thứ ba sửa chữa. Bị đơn cũng không có thắc mắc hay khiếu nại gì về chất lượng công trình mà nguyên đơn thi công. Bị đơn ký Biên bản nghiệm thu thanh lý hợp đồng ngày 19/4/2022 với Công ty TNHH MTV Xây dựng EES nhưng sau đó ngày 31/01/2023 vẫn ký Biên bản xác nhận công nợ với Công ty V mà không có yêu cầu cấn trừ, cũng không có ý kiến về việc đã mời công ty thứ ba sửa chữa. Tại phiên tòa phúc thẩm Công ty V không công nhận việc Công ty T yêu cầu Công ty V thực hiện sửa chữa, bảo hành công trình trong giai đoạn còn bảo hành nên không đồng ý cấn trừ. Bị đơn không nộp thêm chứng cứ nên yêu cầu cấn trừ 499.824.000 đồng là không có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Xét kháng cáo của bị đơn việc tính lãi phạt chậm trả của Công ty V không đúng với số tiền mà T còn nợ thực tế, áp dụng lãi suất 10,5% là không phù hợp với thoả thuận trong hợp đồng và trái quy định pháp luật:

Về số tiền mà T còn nợ thực tế đã được Hội đồng xét xử phân tích mục [2.1].

Về áp dụng lãi suất 10,5%: Căn cứ Điều 7 của Hợp đồng giao thầu phụ số 29.09/HĐGV-19/KHTC ngày 01/9/2019, có quy định:

"Nếu bên A chậm thanh toán cho bên B căn cứ theo tiến độ quy định tại hợp đồng này Bên A sẽ phải bồi thường cho bên B theo lãi suất quá hạn do Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam-Chi nhánh TP HCM công bố tương ứng với các thời kỳ chậm thanh toán".

Tại Điều 4 của Hợp đồng giao thầu phụ số 29.09/HĐGV-19/KHTC ngày 01/9/2019, có quy định:

"Sau khi nghiệm thu, bàn giao toàn bộ công việc và chủ đầu tư ký xác nhận hồ sơ quyết toán với bên A, bên A sẽ thanh toán cho bên B đến 100% giá trị quyết toán trong vòng 07 ngày kể từ ngày T nhận tiền thanh toán từ Công ty CP Long Hậu".

- Căn cứ Công văn số 1003/BIDV.PN-KHDN2 ngày 19/9/2025 của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh TP HCM lãi suất trung hạn 8%/năm, lãi suất quá hạn là 12%/năm.

Như vậy, Nguyên đơn tính lãi suất 10,5%/năm là có lợi cho bị đơn, không vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng vì vậy việc bị đơn kháng cáo cho rằng cấp sơ thẩm áp dụng lãi suất 10,5% là không phù hợp với thoả thuận trong hợp đồng và trái quy định pháp luật là không có cơ sở chấp nhận.

Về thời điểm tính lãi chậm trả:

Công trình đã đưa vào sử dụng và bị đơn đã được chủ đầu tư đã thanh quyết toán toàn bộ số tiền của Hợp đồng số 347/2019/HĐ-LHC-CNĐN ngày 06/9/2019 cho bị đơn đợt cuối cùng vào ngày 19/01/2021. Nguyên đơn không có tài liệu chứng minh đã thực hiện xong và bàn giao cho bị đơn ngày 15/12/2019 nhưng công trình thực tế đã được bàn giao cho Công ty CP L ngày 30/12/2020 và Công ty T đã được Công ty CP L thanh toán hết giá trị hợp đồng ngày 19/01/2021 nên Bị đơn cho rằng Nguyên đơn bàn giao công trình ngày 25/01/2022 là không có cơ sở. Do đó Nguyên đơn tính lãi chậm thanh toán từ thời điểm 31/01/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm là có lợi cho bị đơn. Vậy số tiền lãi chậm trả bị đơn còn phải trả là: 758.053.674 đồng.

Tổng số tiền bị đơn còn phải trả cho nguyên đơn là 2.408.719.344 đồng + 758.053.674 đồng = 3.166.773.018 đồng.

Toàn bộ kháng cáo của Bị đơn không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] Về án phí:

Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Yêu cầu kháng cáo của bị đơn không được chấp nhận, giữ nguyên bản án sơ thẩm nên bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm căn cứ theo quy định tại Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

QUYẾT ĐỊNH:

- Không chấp nhận kháng cáo của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại T.

- Giữ nguyên Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 206/2026/KDTM-ST ngày 29/01/2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần Đầu tư - Thương mại - Kỹ thuật và Xây dựng V.

1.1. Buộc bị đơn Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại T phải trả cho Công ty Cổ phần Đầu tư - Thương mại - Kỹ thuật và Xây dựng V số tiền tạm tính đến ngày 29/01/2026 là 3.166.773.018 (*Ba tỷ một trăm sáu mươi sáu triệu bảy trăm bảy mươi ba ngàn không trăm mười tám*) đồng. Trong đó:

+ Nợ gốc: 2.408.719.344 đồng;

+ Nợ lãi chậm trả: 758.053.674 đồng.

Thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Thi hành án được thực hiện tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại T còn phải chịu khoản tiền lãi trên số nợ gốc còn phải thi hành theo mức lãi suất nợ quá hạn 10,5%/năm tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

1.2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần Đầu tư - Thương mại - Kỹ thuật và Xây dựng V về việc yêu cầu bị đơn Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại T phải trả số tiền phạt hợp đồng là 192.697.548 (*Một trăm chín mươi hai triệu sáu trăm chín mươi bảy ngàn năm trăm bốn mươi tám*) đồng.

2**.** Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại T phải chịu toàn bộ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 95.335.460 (*Chín mươi lăm triệu ba trăm ba mươi lăm ngàn bốn trăm sáu mươi*) đồng.

Hoàn trả lại Công ty Cổ phần Đầu tư - Thương mại - Kỹ thuật và Xây dựng V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 46.754.000 (*Bốn mươi sáu triệu bảy trăm năm mươi bốn ngàn*) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0055198 ngày 02/01/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 5, Thành phố Hồ Chí Minh).

3. Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm:

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại T phải chịu án phí phúc thẩm 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) theo Biên lai thu tạm

ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012474 ngày 12/02/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại T đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự đã sửa đổi bổ sung năm 2014.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Tòa Phúc thẩm 3;
- Viện công tố & kiểm sát xét xử phúc thẩm tại TPHCM;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Thi hành án dân sự TP HCM;
- Phòng THADS Khu vực 5;
- TAND Khu vực 5;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

Hoàng Thị Bích Thảo